

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Hồng Phúc - Cán bộ nghỉ hưu
2. Ông Bùi Văn Tám - Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Đức N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2003; Sinh trú quán: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn S, sinh năm 1973 và bà Đồng Thị H, sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại,(có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Dương Đức N: Bà Đồng Thị H, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (mẹ đẻ bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Đức N: Ông Lê Văn D - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc,(có mặt).

Bị hại: Nh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Khu phố 3 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc,(vắng mặt).

Người làm chứng:

1/Bà Đại Thị E, sinh năm 1974; trú tại: Khu phố 3 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc,(vắng mặt).

2/Nh Nguyễn Văn G, sinh năm 1971; trú tại: Khu phố 3 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Đức N là người làm thuê tại Salon tóc “Trang Nh Spa” ở tổ dân phố 3 Đ, thị trấn Y, huyện Y của anh Nguyễn Văn T. Do chưa tìm được chỗ ở nên N ở nhờ nhà anh T và ngủ cùng phòng anh T. Ở cùng nhà anh T còn có ông Nguyễn Văn G và bà Đại Thị E (là bố mẹ anh T). Sáng ngày 02/12/2020, N thấy chiếc túi xách da màu xanh của bà E để ở trên mặt lò vi sóng trong phòng bếp thì nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong túi xách, N quan sát xung quanh không thấy ai và túi xách không khóa nên thò tay vào bên trong để lục lọi, tìm kiếm tài sản nhưng lúc này N bị bà E phát hiện nên chưa lấy được gì, qua kiểm tra trong túi xách của bà E lúc này có 540.000 đồng. Do vào ngày 21/11/2020, anh T phát hiện bị mất số tiền 4.000.000 đồng nhưng không biết mất ở đâu và không nghi ngờ cho ai nên không trình báo Công an. Nhưng sau khi N bị phát hiện hành vi lục lọi túi xách của bà E nên gia đình anh T có hỏi N thì N thừa nhận vào khoảng 07h30 ngày 20/11/2020, N thức dậy và không thấy anh T đâu, N quan sát thấy trên mặt chiếc đệm anh T ngủ có 01 chiếc ví da của anh T nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong ví. N đã lén lút mở ví và lấy cắp số tiền 4.000.000 đồng bao gồm 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, N thấy trong ví còn nhiều tờ tiền nhưng do sợ bị phát hiện nên không lấy nữa mà cất ví lại vị trí ban đầu. N đem số tiền trộm cắp được cất trong túi xách của mình để trong phòng ngủ của anh T sau đó đi làm việc bình thường. Sau khi khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp nêu trên, N đã lấy số tiền 4.000.000 đồng trả lại cho anh T.

Sau khi nhận được trình báo, Ngày 02/12/2021 Công an huyện Yên Lạc đã tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Đối với hành vi lục lọi túi xách của bà E vào ngày 02/12/2020 của N đã bị phát hiện kịp thời, N chưa lấy được tài sản, số tiền trong túi xách ít nên chưa cấu thành tội phạm vì vậy không xem xét xử lý hình sự đối với N về hành vi này.

Đối với chiếc túi xách và số tiền 540.000đ của bà Đại Thị E do chưa bị thiệt hại gì nên bà E không giao nộp và cũng không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý.

Ngày 30/3/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.000.000đ.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc ba lô, 01 điện thoại di động Iphone 6s plus, 01 chứng minh thư nhân dân của Dương Đức N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 04 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Dương Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc luận tội đối với bị cáo Dương Đức N và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Dương Đức N từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo và đề xuất quan điểm xử lý vật chứng vụ án.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý trình bày: Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, học vấn thấp, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bố mẹ bị cáo ly hôn, mục đích trộm cắp để tiêu sài cá nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bị cáo được hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa khuyết điểm của mình. Bị cáo không có tài sản riêng, không có công việc ổn định và là người dưới 18 tuổi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác đã được thu thập đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 20/11/2020, tại nhà ở của anh Nguyễn Văn T ở tổ dân phố 3 Tiên, thị trấn Y, huyện Y, Dương Đức N đã lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn T với số tiền là 4.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo là người có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, khi phạm tội chưa thành niên nên cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định 01 chiếc ba lô, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, 01 chứng minh thư nhân dân không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho Dương Đức N nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Dương Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Đức N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, Thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Đức N cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho Dương Đức N 01 chiếc ba lô, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, 01 chứng minh thư nhân dân nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus để đảm bảo thi hành án (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc ngày 25/5/2021).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Dương Đức N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận